

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2TS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012822	Nguyễn Phạm Tâm	18/08/1988			9.5	9	8.0	8.5			9.6		9.2
2	2253801012823	Thạch Văn Thành	05/04/1991			9	9	9.5	8.5			7.8		8.3
3	2253801012824	Võ Thị Mai Thảo	05/10/2000			10	10	9.5	8.5			9.4		9.4
4	2253801012825	Huỳnh Trí Thiện	10/07/1990			8.5	6	8.0	8.0			9.0		8.5
5	2253801012828	Đoàn Trung Tính	25/01/2003			9.5	9.5	9.5	8.0			9.4		9.2
6	2253801012829	Lê Thị Huỳnh Trân	12/05/2006			8.5	9.5	9.5	9.0			9.8		9.5
7	2253801012830	Đinh Thị Tuyết Vân	05/02/1993			10	9	8.5	8.5			9.8		9.4
8	2253801013365	Lê Hoàng Anh	24/02/1989			6	10	9.5	8.5			9.2		9.0
9	2253801013366	Nguyễn Thị Chúc	24/05/1988			5.5	9	9.0	8.5			9.4		8.9
10	2253801013367	Trần Văn Đễ	22/02/1969			7.5	8	8.0	8.5			9.6		9.0
11	2253801013370	Lâm Thị Thanh Hiều	11/03/1990			8	9	9.0	8.5			10.0		9.5
12	2253801013373	Huê Hồng Phú	20/11/1976			6.5	8	9.5	8.5			9.2		8.9
13	2253801013375	Trần Thanh Tiêng	26/03/1974			9	9	8.5	8.0			9.8		9.3

Châu Đốc, ngày 12 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Lộc Thủy Tiên